

Số: 30/2023/CV-HAGL Agrico
(V/v giải trình lỗ và biến động lợi nhuận
sau thuế trên BCTC soát xét bán niên
2023 so với cùng kỳ)

Gia Lai, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (“BCTC”) tổng hợp và hợp nhất soát xét bán niên 2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HNG) giải trình lỗ và biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất soát xét bán niên 2023 như sau:

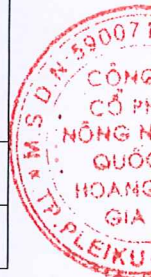
ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC soát xét bán niên 2023	BCTC soát xét bán niên 2022	Chênh lệch
Lỗ (lợi nhuận) sau thuế trên BCTC tổng hợp	(4,6)	107,3	111,9
Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất	(247)	(670)	(423)

Lỗ sau thuế trên BCTC tổng hợp soát xét bán niên 2023: **4,6 tỷ đồng**, so với cùng kỳ năm 2022 lãi **107,3 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do lãi suất vay tăng trung bình 3%/năm dẫn đến chi phí lãi vay tăng cao so với cùng kỳ năm 2022.

Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2023: **247 tỷ đồng**. Nguyên nhân lỗ ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

- **Cây ăn trái:** doanh thu 6 tháng năm 2023 chỉ đạt **225 tỷ đồng**, sản lượng **15.690 tấn**, trong đó chuối chỉ đạt **15.330 tấn** so với kế hoạch đề ra **18.958 tấn**, giảm **45%** so với cùng kỳ **27.712 tấn**. Chủ yếu do tình trạng thiếu nhân công lao động cộng với thời tiết bất lợi làm tăng dịch bệnh dẫn đến năng suất buồng kém, số lượng buồng phải hủy bỏ không thu hoạch tại vườn 33%. Ngoài ra, trong kỳ công ty vẫn đang tập trung đầu tư, chăm sóc, cải tạo lại vườn hiện hữu dẫn đến diện tích cho thu hoạch thấp.
- **Cây cao su:** doanh thu 6 tháng năm 2023 chỉ đạt **51 tỷ đồng**, sản lượng **1.642 tấn** so với kế hoạch đề ra **1.965 tấn**, giảm **17%** so với cùng kỳ **1.985 tấn**. Nguyên nhân chủ yếu do tình trạng thiếu công nhân cạo mủ. Bên cạnh đó, chi phí giá vốn vườn cây lớn chủ yếu là chi phí khấu hao (chiếm 60%) dẫn đến doanh thu không bù đắp đủ chi phí.



- Đồng thời, lỗ 6 tháng năm 2023 giảm mạnh so với 6 tháng năm 2022 do Công ty đã chuyển đổi đồng tiền hạch toán từ đồng LAK sang đồng USD, do vậy không còn ghi nhận khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá, trong khi cùng kỳ năm 2022 công ty ghi nhận khoản lỗ **400 tỷ đồng** từ chênh lệch tỷ giá do đồng LAK tại Lào so với USD và VND mất giá lần lượt 34% và 42%.

Trong BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2023, kiểm toán viên có nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục, nguyên nhân: Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là **247 tỷ đồng** và lỗ lũy kế là **7.251 tỷ đồng**; nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là **5.512 tỷ đồng**. Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu một số khoản nợ và làm việc với các bên liên quan giải quyết công nợ và nhận lại các chứng nhận quyền sử dụng đất các dự án tại Lào và Campuchia, để triển khai pháp lý đầu tư dự án và huy động nguồn vốn để có dòng tiền đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 đáp ứng giả định hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới.

Trên đây là giải trình lỗ và biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Phi



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 39

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh trái cây, cao su, và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01/2023/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

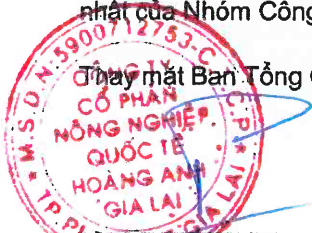
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12827243/66922630/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là 4.610.946 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 133.449.904 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.805.122.808	8.971.078.892
110	I. Tiền	4	909.713	819.991
111	1. Tiền		909.713	819.991
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.605.265.025	8.877.588.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.539.700.928	1.496.160.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.525.960.495	1.625.464.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.022.374.681	3.753.096.261
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.595.911.790	2.255.107.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(78.682.869)	(252.240.627)
140	III. Hàng tồn kho	10	104.187.582	4.903.261
141	1. Hàng tồn kho		116.670.136	17.580.995
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.482.554)	(12.677.734)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		94.760.488	87.767.569
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	94.474.100	87.481.181
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.052.795.581	9.862.263.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.198.862.117	5.007.032.058
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.505.189.718	3.400.037.284
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.693.672.399	1.606.994.774
220	II. Tài sản cố định		4.679.091	5.422.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.066.174	1.435.536
222	Nguyên giá		8.977.967	9.541.177
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.911.793)	(8.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.612.917	3.986.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.367.083)	(1.993.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	4.848.889.448	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.562.884.812	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		364.925	920.220
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		364.925	920.220
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.857.918.389	18.833.342.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

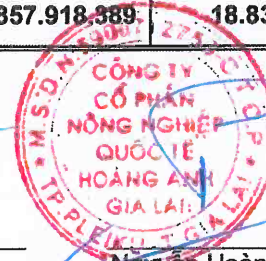
Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.735.702.343	6.706.515.829
310	I. Nợ ngắn hạn		6.564.095.368	4.823.663.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	229.867.317	80.269.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	251.169.295	1.842.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	145.024	172.855
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.094.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	484.318.315	237.349.753
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	272.401.492	82.649.067
320	7. Vay ngắn hạn	19	5.325.164.325	4.420.285.837
330	II. Nợ dài hạn		1.171.606.975	1.882.851.893
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	50.345.837	107.440.727
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	65.968.496	133.588.694
338	3. Vay dài hạn	19	1.055.292.642	1.641.822.472
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.122.216.046	12.126.826.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.122.216.046	12.126.826.992
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(133.449.904)	(128.838.958)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(128.838.958)	(351.760.883)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(4.610.946)	222.921.925
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.857.918.389	18.833.342.821

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	209.483.672	352.645.678
11	2. Giá vốn hàng bán	22, 25	(204.769.200)	(349.659.784)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		4.714.472	2.985.894
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	254.399.047	239.850.715
22	5. Chi phí tài chính	23	(256.846.737)	(119.851.453)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(252.081.579)	(116.717.183)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 25	(2.312.680)	(3.043.898)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(4.284.399)	(8.515.508)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.330.297)	111.425.750
31	9. Thu nhập khác		168.963	58.319
32	10. Chi phí khác		(449.612)	(4.151.471)
40	11. Lỗ khác		(280.649)	(4.093.152)
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.610.946)	107.332.598
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(4.610.946)	107.332.598

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.610.946)	107.332.598
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	743.112	754.933
03	(Hoàn nhập) các khoản dự phòng		(173.752.938)	2.705.836
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.142.109)	(44.976.150)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(249.841.038)	(194.469.048)
06	Chi phí lãi vay	23	252.081.579	116.717.183
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(176.522.340)	(11.934.648)
09	Tăng các khoản phải thu		(129.291.385)	(296.202.979)
10	Tăng hàng tồn kho		(99.089.141)	(1.277.779)
11	Tăng các khoản phải trả		519.423.916	180.136.580
12	Giảm chi phí trả trước		555.295	678.925
14	Tiền lãi vay đã trả		(60.064.543)	(55.864.938)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(64.800)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		54.947.002	(184.464.839)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(374.730.465)	(86.082.928)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		18.911	252.643
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(374.711.554)	(85.830.285)

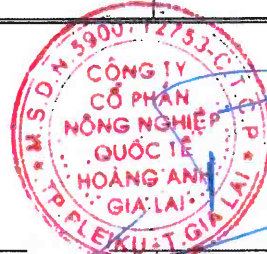
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	917.440.000	851.450.083
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(597.585.763)	(586.383.349)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		319.854.237	265.066.734
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		89.685	(5.228.390)
60	Tiền đầu kỳ		819.991	7.334.259
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37	596
70	Tiền cuối kỳ	4	909.713	2.106.465

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh trái cây, cao su, và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 22 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con và chi nhánh như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là 4.610.946 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Đồng thời, vào ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 133.449.904 ngàn VND. Hơn nữa, vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.3 và 19.4 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết các vấn đề nêu trên. Cụ thể, Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, và thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và đang đàm phán với các bên cho vay để điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Trước đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"), qua đó, Thaco Agri hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty. Trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc vẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
cụ và hàng hóa

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	38.643	47.602
Tiền gửi ngân hàng	871.070	772.389
TỔNG CỘNG	909.713	819.991

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	1.472.475.560	1.401.326.940
Phải thu từ các bên khác	67.225.368	94.833.660
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.394.913	20.373.151
- Khách hàng khác	22.288.802	49.918.856
TỔNG CỘNG	1.539.700.928	1.496.160.600
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(55.264.831)	(55.134.193)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.484.436.097	1.441.026.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.513.955.886	1.604.123.267
Trả trước cho các bên khác	12.004.609	21.341.108
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	2.075.410
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	1.622.899	1.622.898
- Khác	8.306.300	17.642.800
TỔNG CỘNG	1.525.960.495	1.625.464.375
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(2.406.038)	(176.094.434)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.523.554.457	1.449.369.941

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	6.022.374.681	3.753.096.261
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	5.629.023.242	3.633.730.761
Cho vay Chính phủ Lào (*)	393.351.439	119.365.500
Dài hạn	1.505.189.718	3.400.037.284
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	1.505.189.718	3.400.037.284
TỔNG CỘNG	7.527.564.399	7.153.133.545

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được miễn trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	2.595.911.790	2.255.107.462
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	1.870.997.426	1.661.497.770
Phải thu lãi cho vay	506.311.973	384.245.702
Chi hộ	165.441.972	167.203.522
Khác	53.160.419	42.160.468
Dài hạn	1.693.672.399	1.606.994.774
Phải thu lãi cho vay	1.663.360.935	1.576.715.651
Khác	30.311.464	30.279.123
TỔNG CỘNG	4.289.584.189	3.862.102.236
Dự phòng phải thu khác khó đòi (TM số 9)	(21.012.000)	(21.012.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.268.572.189	3.841.090.236
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.568.895.928	2.233.201.271
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.693.672.399	1.606.994.774
<i>Phải thu khác các bên thứ ba</i>	6.003.862	894.191

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	55.264.831	55.134.193
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)	21.012.000	21.012.000
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	2.406.038	176.094.434
TỔNG CỘNG	78.682.869	252.240.627

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	252.240.626	43.334.615
Dự phòng trích lập trong kỳ	130.639	2.088.589
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(173.688.396)	-
Số cuối kỳ	78.682.869	45.423.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	116.670.136	17.580.995
TỔNG CỘNG	116.670.136	17.580.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.482.554)	(12.677.734)
GIÁ TRỊ THUẦN	104.187.582	4.903.261

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	12.677.734	1.803.831
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(195.180)	(329.956)
Số cuối kỳ	12.482.554	1.473.875

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
Thanh lý trong kỳ	(563.210)	-	-	(563.210)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	310.655	4.311.791	322.183	4.944.629
Khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)	(8.105.641)
Khấu hao trong kỳ	-	(104.962)	(264.400)	(369.362)
Thanh lý trong kỳ	563.210	-	-	563.210
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(310.655)	(5.310.757)	(2.290.381)	(7.911.793)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	495.344	940.192	1.435.536
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	390.382	675.792	1.066.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND
Phần mềm vi tính

Nguyên giá

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 5.980.000

Hao mòn lũy kế

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1.993.333)

Hao mòn trong kỳ (373.750)

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (2.367.083)

Giá trị còn lại

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 3.986.667

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 3.612.917

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

Ngày 30 tháng 6
năm 2023

Ngày 31 tháng 12
năm 2022

Đầu tư vào các công ty con (TM số 13.1) 4.562.884.812 4.662.884.812

Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2) 286.004.636 286.004.636

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3) 2.594.610 2.594.610

TỔNG CỘNG **4.851.484.058** **4.951.484.058**

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (2.594.610) (102.594.610)

GIÁ TRỊ THUẦN **4.848.889.448** **4.848.889.448**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng và kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	100,00	1.081.159.132
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	100,00	943.987.719
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	436.708.401	100,00	436.708.401
XNK HAGL (*)	Đã giải thể	-	-	100,00	100.000.000 (100.000.000)
TỔNG CỘNG			4.562.884.812		4.662.884.812 (100.000.000)

(*) XNK HAGL đã được hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động theo Thông báo giải thể số 589/23 do SKHĐT tỉnh Gia Lai cấp ngày 6 tháng 2 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Bidiphar (*)	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

(*) Toàn bộ cổ phần Bidiphar sở hữu bởi Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng.

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)	15,00	2.594.610	(2.594.610)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	213.240.891	64.388.705
Phải trả cho các bên thứ ba	16.626.426	15.881.152
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	3.963.450	3.963.450
- Khác	12.662.976	11.917.702
TỔNG CỘNG	229.867.317	80.269.857

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	250.497.260	1.749.775
Nhận ứng trước từ bên khác	672.035	92.392
TỔNG CỘNG	251.169.295	1.842.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	87.481.181	13.380.013	(6.387.094)	94.474.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	3.000	(3.000)	557
TỔNG CỘNG	87.767.569	13.383.013	(6.390.094)	94.760.488
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	172.855	166.280	(194.111)	145.024

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	484.318.315	237.349.753
Chi phí lãi vay	457.570.357	208.473.554
Chi phí hoạt động	26.747.958	28.876.199
Dài hạn	50.345.837	107.440.727
Chi phí lãi vay	50.345.837	107.440.727
TỔNG CỘNG	534.664.152	344.790.480
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	338.482.046	98.571.561
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	-	57.094.890
<i>Phải trả các bên khác</i>	196.182.106	189.124.029

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	272.401.492	82.649.067
Phải trả các bên liên quan	253.938.083	65.584.210
Phải trả khác	18.463.409	17.064.857
Dài hạn	65.968.496	133.588.694
Phải trả các bên liên quan	29.428.557	97.048.755
Mượn tiền bên khác	36.539.939	36.539.939
TỔNG CỘNG	338.369.988	216.237.761
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	253.938.083	65.584.210
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	29.428.557	97.048.755
<i>Phải trả các bên khác</i>	55.003.348	53.604.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	5.325.164.325	4.420.285.837
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 19.1 và TM số 27)	272.740.518	312.440.517
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 19.2)	599.511.585	599.542.639
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 19.3)	554.815.752	790.250.181
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 19.4 và TM số 27)	3.898.096.470	2.718.052.500
Dài hạn	1.055.292.642	1.641.822.472
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 19.3)	170.594.605	170.594.605
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 19.4 và TM số 27)	884.698.037	1.471.227.867
TỔNG CỘNG	<u>6.380.456.967</u>	<u>6.062.108.309</u>

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.420.285.837	1.641.822.472	6.062.108.309
Tiền thu từ đi vay	318.740.000	598.700.000	917.440.000
Tiền trả nợ gốc vay	(592.585.763)	(5.000.000)	(597.585.763)
Cán trừ công nợ	-	(185.860)	(185.860)
Vay dài hạn đến hạn trả	1.180.043.970	(1.180.043.970)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.319.719)	-	(1.319.719)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.325.164.325</u>	<u>1.055.292.642</u>	<u>6.380.456.967</u>

19.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
	Ngàn VND		
Thaco Agri	<u>272.740.518</u>	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2024	7,50 - 8,50

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay
	Ngàn VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.511.585	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đến ngày 29 tháng 9 năm 2024 (6 tháng 2023: 2,35%/năm; 9,50 - 12,45%)	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su
				- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xáy, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai (*)	502.325.752	21.168.384	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm. (6 tháng 2023: 7,20%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.231,9 ha trên diện tích 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	223.084.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2023: 11,55%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG do Ông Đoàn Nguyên Đức – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty sở hữu và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam do Thaco Agri sở hữu
TỔNG CỘNG	725.410.357	21.168.384				

Trong đó:

Vay dài hạn	170.594.605	-
Vay dài hạn đến hạn trả	554.815.752	21.168.384

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa thanh toán khoản vay theo thời hạn nêu trên. Tuy nhiên, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản vay quá hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ các bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Lãi suất %/năm
	Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	
Thaco Agri	3.398.096.470	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	9,00 - 14,50
HAG (*)	1.384.698.037	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
TỔNG CỘNG	<u>4.782.794.507</u>		

Trong đó:

Vay dài hạn	884.698.037
Vay dài hạn đến hạn trả	3.898.096.470

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 400.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản vay quá hạn này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(480.000)	(480.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	107.332.598	107.332.598
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(244.356.285)</u>	<u>12.011.309.665</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(4.610.946)	(4.610.946)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(133.449.904)</u>	<u>12.122.216.046</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	169.458.203	289.170.199
Doanh thu bán mũ cao su	40.025.469	62.688.200
Doanh thu bán trái cây	-	749.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	37.450
TỔNG CỘNG	209.483.672	352.645.678
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	209.308.752	345.464.636
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	174.920	7.181.042

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi từ cho bên liên quan vay	249.822.127	194.455.413
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.558.009	45.381.667
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.911	13.635
TỔNG CỘNG	254.399.047	239.850.715
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan</i>	249.822.127	194.455.413
<i>Bên khác</i>	4.576.920	45.395.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn hàng hóa	167.704.752	288.323.143
Giá vốn mủ cao su đã bán	37.064.448	59.820.744
Giá vốn trái cây đã bán	-	1.480.037
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	35.860
TỔNG CỘNG	<u>204.769.200</u>	<u>349.659.784</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	252.081.579	116.717.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.633.288	2.498.980
Khác	1.131.870	635.290
TỔNG CỘNG	<u>256.846.737</u>	<u>119.851.453</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	2.312.680	3.043.898
Chi phí vận chuyển	1.604.622	1.814.553
Chi phí nhân viên	563.590	820.606
Khác	144.468	408.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.284.399	8.515.508
Chi phí nhân viên	2.072.046	2.449.795
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	870.501	715.580
Dự phòng phải thu khó đòi	130.639	3.035.792
Khác	1.211.213	2.314.341
TỔNG CỘNG	<u>6.597.079</u>	<u>11.559.406</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	204.026.090	348.904.851
Chi phí nhân công	2.635.636	3.270.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.570.950	4.022.723
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 11 và 12)	743.110	754.933
Dự phòng phải thu khó đòi	130.639	3.035.792
Khác	1.259.854	1.230.490
TỔNG CỘNG	<u>211.366.279</u>	<u>361.219.190</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và (lỗ tính thuế) thu nhập tính thuế:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(4.610.946)</u>	<u>107.332.598</u>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	864.883	3.523.416
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	428.851	(67.465.007)
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính	<u>(3.317.212)</u>	<u>43.391.007</u>
Lỗ chuyển sang từ kỳ trước	-	(43.391.007)
Lỗ thuế chuyển sang các kỳ sau	3.317.212	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	<u>(285.831)</u>	<u>(285.831)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.137.074.374 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.133.757.162 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	
			Không được chuyển lỗ	Khổng được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ
2018	2023	11.091.234 (*)	(11.091.234)	-	-	-
2019	2024	1.168.792.394 (*)	(35.035.232)	-	1.133.757.162	-
2023	2028	3.317.212 (**)	-	-	3.317.212	-
TỔNG CỘNG		1.183.200.840	(46.126.466)	-	1.137.074.374	-

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được quyết toán bởi cơ quan thuế địa phương.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas (“HA Andong Meas”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat (“HA Lumphat”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (“HA Đắk Lắk”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải (“Thilogi”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Ô tô và Linh kiện phụ tùng Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thaco Agri Cao nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên (“Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Cao Su Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Vận Tải Đường Bộ Thilogi (“Đường bộ Thilogi”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải (“THACO Bus”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH THACO Auto (“THACO Auto”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa ốc Đại Quang Minh (“Đại Quang Minh”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai (“Cơ khí Chu Lai”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Phân Phối THACO Auto (“THACO Phân phối”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Xây Dựng Công Nông Nghiệp Thadico (“Thadicons A&I”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Cảng Biển Quốc tế Chu Lai (“Cảng Biển Quốc tế Chu Lai”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Thiso Retail (“Thiso”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng THACO (“THACO Chuyên dụng”)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thaco Agri	Vay	608.700.000	626.245.629
	Mua hàng hóa và dịch vụ	246.175.557	278.820.856
	Lãi vay	182.558.014	35.885.100
	Cần trừ công nợ	55.514.084	-
	Trả gốc vay	46.700.000	52.629.070
	Bán hàng hóa	40.809.807	62.843.378
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	205.195.120	-
	Lãi cho vay	24.287.909	24.533.815
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	192.545.530	-
	Lãi cho vay	33.138.427	29.268.208
	Chi hộ	284.980	2.400.191
	Bán hàng hóa	-	15.242.422
	Cho vay	-	5.183.351
HA Attapeu	Lãi cho vay	173.812.190	123.048.226
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	168.620.094	256.672.360
	Cho vay	99.642.966	186.304.722
	Mua hàng hóa	25.292.090	38.238.582
	Chi hộ	20.780.583	108.577.018
CRD	Cần trừ công nợ	68.208.415	10.197.190
HAQM Lào	Lãi cho vay	18.583.601	17.605.164
	Mua hàng hóa	11.772.359	21.582.162
	Chi hộ	-	3.564.314
THACO Phân phối	Mua hàng hóa	4.202.778	-
Thilogi	Mua dịch vụ	1.775.727	2.894.112
	Vay	-	8.200.000
	Trả gốc vay	-	8.200.000
THACO Chuyên dụng	Mua hàng hóa	1.041.110	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	1.378.305.522	1.227.928.346
HAQM Lào	Bán hàng hóa	44.890.226	44.762.105
HA Oyadav	Bán hàng hóa	35.566.431	114.977.231
CRD	Bán hàng hóa	13.604.114	13.589.598
Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	109.267	69.660
TỔNG CỘNG		1.472.475.560	1.401.326.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
HA Attapeu	Mua hàng hóa và dịch vụ	814.278.374	769.826.123
HAQM Lào	Mua hàng hóa	699.673.242	660.568.437
Thiso	Mua hàng hóa	4.270	-
XNK HAGL	Mua hàng hóa	-	173.688.397
HA Lumphat	Mua hàng hóa	-	40.310
TỔNG CỘNG		1.513.955.886	1.604.123.267
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	3.612.250.854	2.502.178.706
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	291.708.400
HAQM Lào	Cho vay	619.432.694	384.815.315
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	455.028.340
TỔNG CỘNG		5.629.023.242	3.633.730.761
(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 19 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 6 năm 2024, và với lãi suất trung bình từ 6,00%/năm đến 10,50%/năm.			
Phải thu về cho vay dài hạn (**) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	1.242.735.113	2.252.362.346
HA Rattanakiri	Cho vay	262.454.605	514.199.954
HA Oyadav	Cho vay	-	398.857.605
HAQM Lào	Cho vay	-	234.617.379
TỔNG CỘNG		1.505.189.718	3.400.037.284
(**) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 6,00%/năm đến 14,50%/năm.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	1.517.292.751	1.516.459.348
	Lãi cho vay	390.631.306	296.928.809
	Chi hộ	165.441.972	166.939.528
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	202.462.703	-
	Lãi cho vay	17.569.274	1.965.448
HAQM Lào	Lãi cho vay	98.111.392	85.351.444
	Cần trừ công nợ	5.893.845	5.890.280
	Chi hộ	-	263.994
CRD	Cần trừ công nợ	73.621.172	5.955.067
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	71.726.955	127.295.595
Bidiphar	Cổ tức được chia	26.144.558	26.144.558
Bên liên quan khác	Chi hộ	-	7.200
TỔNG CỘNG		2.568.895.928	2.233.201.271
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Lãi cho vay	1.570.972.151	1.507.685.122
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.224.475	66.400.822
	Cần trừ công nợ	30.311.464	30.279.122
HA Oyadav	Lãi cho vay	20.164.309	2.629.708
TỔNG CỘNG		1.693.672.399	1.606.994.774
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 14)			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	186.162.799	33.835.318
THACO Phân Phối	Mua hàng hóa	21.607.400	24.300.000
CRD	Mua hàng hóa	2.478.252	2.473.553
Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.992.440	3.779.834
TỔNG CỘNG		213.240.891	64.388.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 15)			
Thaco Agri	Ứng tiền mua hàng hóa	250.497.260	1.749.775
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 17)			
Thaco Agri	Lãi vay	338.353.645	98.571.561
	Mua hàng hóa	128.401	-
TỔNG CỘNG		338.482.046	98.571.561
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 18)			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	245.604.270	65.484.210
Thaco Agri	Mượn tiền	8.333.813	100.000
TỔNG CỘNG		253.938.083	65.584.210
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 17)			
THACO AGRICULTURE	Lãi vay	-	57.094.890
Phải trả dài hạn khác (TM số 18)			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	29.428.557	29.379.845
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	-	67.668.910
TỔNG CỘNG		29.428.557	97.048.755
Vay ngắn hạn (TM số 19.1 và TM số 19.4)			
Thaco Agri	Vay	3.670.836.988	2.530.493.017
HAG	Vay	500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG		4.170.836.988	3.030.493.017
Vay dài hạn (TM số 19.4)			
Thaco Agri	Vay	-	586.343.970
HAG	Vay	884.698.037	884.883.897
TỔNG CỘNG		884.698.037	1.471.227.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	64.800	72.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	30.000
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	18.000
TỔNG CỘNG		64.800	120.000

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:


Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của Công ty, tại BIDV và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.852,74 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023